

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/KDTM-PT
Ngày 14-01-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Huỳnh;

Bà Trần Thị Thanh Trúc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2 mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 310/2025/TLPT-KDTM ngày 13/11/2025 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án sơ thẩm số 09/2025/KDTM-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7652/2025/QĐ-PT ngày 01/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 22848/2025/QĐ-PT ngày 16/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23377/2025/QĐ-PT ngày 23/12/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Một thành viên T1; địa chỉ: Thửa đất số 611 tờ bản đồ 45 đường Đ khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lý Quốc H – Chức vụ Giám đốc; địa chỉ: Tổ E, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N; địa chỉ: T đất số 655 tờ bản đồ 39 khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hoàng Tân V, sinh năm 1976; địa chỉ: số H đường N, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay

là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2025). Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty TNHH N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 05/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên T1 trình bày:*

Từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024, Công ty TNHH Một thành viên T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1 hoặc nguyên đơn) với Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N hoặc bị đơn) thỏa thuận mua bán hàng hóa qua điện thoại. Công ty N nhiều lần đặt hàng và Công ty T1 đã giao hàng đầy đủ tại kho của Công ty N với tổng số tiền hàng là 1.896.166.751 đồng. Quá trình mua bán Công ty T1 xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với một số đơn hàng theo yêu cầu của Công ty N, đối với một số đơn hàng còn lại, Công ty N yêu cầu không xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Cụ thể:

Tháng 12/2023 số tiền hàng ồ vít các loại 423.267.140 đồng. Công ty N yêu cầu không xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Ngày 31/01/2024, số tiền hàng ồ vít các loại 443.320.649 đồng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000026 ngày 31/01/2024.

Tháng 02/2024, số tiền hàng ồ vít các loại 151.844.870 đồng. Công ty N yêu cầu không xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Tháng 3/2024, số tiền hàng ồ vít các loại 87.007.520 đồng. Công ty N yêu cầu không xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Tháng 4/2024, số tiền hàng ồ vít các loại 466.493.170 đồng. Công ty N yêu cầu không xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Ngày 23/5/2024, số tiền hàng ồ vít các loại 212.716.544 đồng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000079 ngày 23/5/2024.

Ngày 26/6/2024, số tiền hàng ồ vít các loại 111.312.038 đồng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 00000127 ngày 26/6/2024.

Ngày 09/11/2024, Công ty T1 và Công ty N đã lập Biên bản xác nhận công nợ. Theo đó, Công ty N đã xác nhận còn nợ Công ty T1 số tiền 1.896.166.751 đồng. Ngày 03/12/2024, Công ty N thanh toán số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 24/01/2025 thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 23/4/2025 thanh toán 123.267.140 đồng (Công ty N thanh toán bằng tiền mặt và chỉ lập phiếu chi tiền do Công ty N giữ). Số tiền nợ còn lại là 1.472.694.791 đồng.

Công ty T1 nhiều lần yêu cầu Công ty N trả tiền nhưng Công ty N không trả. Do đó, Công ty T1 khởi kiện với những yêu cầu sau:

- Yêu cầu Công ty N thanh toán nợ gốc là 1.472.694.791 đồng.

- Yêu cầu Công ty N thanh toán nợ chậm trả theo mức lãi suất quá hạn 14%/năm theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại tính từ tháng 6/2024 đến tháng 5/2025 với số tiền là 206.177.270 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả là 206.177.270 đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH N trình bày:*

Thời gian từ tháng 01/2024 đến tháng 6/2024, trong quá trình giao hàng giữa các bộ phận thu mua, thủ kho của Công ty N có rất nhiều lần ký phiếu giao hàng nhưng thực tế không nhận hàng và việc này người đại diện theo pháp luật của Công ty T1 là ông Lý Quốc H1 cũng đã xác nhận và tiền cũng đã thanh toán cho nguyên đơn. Có rất nhiều phiếu giao hàng không có đơn đặt hàng nhưng lại có phiếu giao hàng và hàng không giao vào kho Công ty mà lại giao ngoài công. Công ty N xác định có sự cấu kết giữa bộ phận thu mua của Công ty, thủ kho và sự giúp sức từ Công ty T1. Công ty TNHH N không đồng ý thanh toán số tiền trên cho Công ty T1.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn tranh luận: Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2024, thời điểm Công ty N phải trả hết nợ cho Công ty T1 là trước tháng 5/2025 nhưng chưa đến thời hạn trả nợ mà Công ty T1 đã nộp đơn khởi kiện là chưa đủ điều kiện khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chưa đủ điều kiện khởi kiện. Đề nghị triệu tập người làm chứng để làm rõ có việc giao nhận hàng hay không, đề nghị phía nguyên đơn cung cấp các phiếu giao nhận hàng, xác định lại ai là người đặt hàng, có việc đặt hàng hay không, ai là người giao hàng.

Tại Bản án số 09/2025/KDTM-ST ngày 07/8/2025 của TAND khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên T1 về việc yêu cầu Công ty TNHH N thanh toán tiền lãi 206.177.270 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên T1.

Buộc Công ty TNHH N có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Một thành viên T1 số tiền nợ gốc 1.472.694.791 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm chín mươi một) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 18/8/2025, bị đơn Công ty N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng: Về chứng cứ giao hàng hồ sơ thiếu phiếu giao hàng do nguyên đơn cung cấp không kèm theo đơn đặt hàng, không có chứng cứ xác thực việc giao hàng trên thực tế, nguyên đơn không cung cấp được; quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có đơn yêu cầu triệu tập người làm chứng để làm rõ các tình tiết của vụ án liên quan đến việc giao nhận hàng nhưng Tòa án không triệu tập; ngày 13/5/2024 ông Lý Quốc H có văn bản viết tay thừa nhận đã làm phiếu bù số lượng gửi cho kho của bị đơn nhờ ký phiếu giao hàng không thông qua ban lãnh đạo công ty. Do Tòa án cấp sơ thẩm xác minh thu thập chứng cứ không đầy đủ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cung cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH N thay đổi lần thứ 7 ngày 25/6/2025 thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông L, T sang ông Nguyễn Ngọc D; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm. Về phía đại diện nguyên đơn xác định ông H là người viết văn bản ngày 13/5/2024 là do bị đơn ép buộc trong quá trình nguyên đơn đòi nợ. Hiện nay bị đơn Công ty N đã đổi tên thành Công ty TNHH C, nguyên đơn nộp bổ sung các phiếu giao hàng cho Công ty N, bảng chi tiết công nợ, đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả tiền gốc 1.472.694.791 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn là 14%/năm theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 với tổng số tiền gốc và lãi là 1.610.146.305 đồng. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét thì đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra, nguyên đơn còn có đơn yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan công an có thẩm quyền để tiến hành xác minh, điều tra, thanh tra và kiểm tra thuế đối với Công ty TNHH N, Công ty TNHH C, xử lý hình sự các cá nhân có liên quan.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định hai bên đương sự có mối quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa, biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2024 đã được người đại diện theo pháp luật của các bên ký, đóng dấu nên có giá trị. Tại biên bản xác nhận công nợ có phần viết tay của ông L, T là người đại diện theo pháp luật của Công ty N ghi “khoản tiền này của Nhuận P được thanh toán hết trước tháng 5/2025” nhưng đến tháng 5/2025 bị đơn vẫn không thanh toán tiền cho nguyên đơn nên ngày 05/5/2025 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bị đơn là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới: bị đơn có thay đổi người đại diện theo pháp luật nhưng đương sự không cung cấp dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tư cách người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Tân V theo thủ tục đã đăng ký. Đây là vi phạm nghiêm trọng

thủ tục tố tụng, đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày tranh tụng của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty N được thực hiện trong thời hạn luật định và đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Công ty T1 và Công ty N có quan hệ mua bán hàng hóa trong thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 6/2024. Ngày 09/11/2024 Công ty N ký xác nhận còn nợ Công ty T1 số tiền 1.896.166.751 đồng. Ngày 03/12/2024, Công ty N thanh toán số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 24/01/2025 thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 23/4/2025 thanh toán 123.267.140 đồng. Tổng cộng số tiền đã thanh toán là 423.267.140 đồng. Số tiền nợ còn lại là 1.472.694.791 đồng bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn.

[2.2] Bị đơn kháng cáo cho rằng Công ty T1 và Công ty N có quan hệ mua bán hàng hóa, tuy nhiên trong quá trình giao hàng giữa các bộ phận thu mua, thủ kho của Công ty N có nhiều lần ký phiếu giao hàng nhưng thực tế không nhận hàng. Có nhiều phiếu giao hàng không có đơn đặt hàng nhưng lại có phiếu giao hàng và hàng không giao vào kho Công ty mà lại giao ngoài công. Công ty N xác định có sự cấu kết giữa bộ phận thu mua của Công ty, thủ kho và sự giúp sức từ Công ty T1. Ngoài ra, ông Lý Quốc H tự viết văn bản thừa nhận làm phiếu bù số lượng gửi kho nhờ ký phiếu giao hàng không thông qua lãnh đạo công ty. Do đó, Công ty N không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn:

[3.1] Về thủ tục ủy quyền: theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 25/6/2025 đại diện bị đơn nộp tại cấp phúc thẩm thì Công ty N đã thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông L, T sang ông Nguyễn Ngọc D. Trước đó, vào ngày 23/6/2025 ông L, T ký giấy ủy quyền cho ông Hoàng Tân V tham gia tố tụng tại tòa án cấp sơ thẩm. Đến ngày 25/6/2025 bị đơn đã thay đổi người đại diện theo pháp luật nhưng không thực hiện lại thủ tục ủy quyền cho ông Hoàng Tân V tham gia tố tụng. Đến ngày 07/8/2025, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án, ông Hoàng Tân V vẫn tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không phù hợp quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều 85, 137, 138 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Hoàng Tân V xác định Công ty N thay đổi người đại diện theo pháp luật nhưng không thông báo cho ông V biết, đến cấp phúc thẩm ông V mới biết và đã thực hiện thủ tục ủy quyền theo quy định của pháp luật tại cấp phúc

thẩm. Xét thấy, do các đương sự không thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm việc thay đổi người đại diện theo pháp luật dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với người tham gia tố tụng không đúng quy định, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần phải hủy bản án sơ thẩm, giao về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án. Do đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[3.2] Ngoài ra, theo chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Tại biên bản xác nhận công nợ ngày 09/11/2024 (bút lục 10, 11) có nội dung “BÊN B: CÔNG TY TNHH N (nay đổi tên mới thành C1)”. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận người đại diện theo pháp luật của Công ty N là ông L, T và người đại diện theo pháp luật của Công ty T1 là ông Lý Quốc H đã ký xác nhận vào biên bản nêu trên, biên bản do bên Công ty T1 soạn và in ra sẵn, các chữ viết bằng tiếng Hoa là do ông L, T trực tiếp ghi, bản dịch có nội dung: “khoản tiền này của Nhuận P được thanh toán hết trước tháng 5/2025”. Như vậy, tại thời điểm ký biên bản xác nhận nợ, Công ty N có mối quan hệ như thế nào với Công ty TNHH C (viết tắt là Công ty C)? Công ty C có liên quan như thế nào đến công nợ của Công ty T1? Vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn ông Lý Quốc H xác định, khoản nợ 423.267.140 đồng được ghi nhận trong Biên bản xác nhận công nợ là do Công ty C thanh toán cho Công ty T1 và do Công ty C không yêu cầu xuất hóa đơn nên Công ty T1 không xuất hóa đơn. Các khoản tiền còn lại thì Công ty N và Công ty C chưa thanh toán nên Công ty T1 mới khởi kiện Công ty N ra tòa. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm có liên quan trực tiếp đến công nợ được các bên xác định trong Biên bản ngày 09/11/2024 nên chưa được cấp sơ thẩm xem xét, làm rõ trong quá trình giải quyết vụ án. Trường hợp này, do Công ty C thanh toán tiền nợ cho Công ty T1 nên khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan để làm rõ và xem xét có cần thiết đưa Công ty C tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này hay không để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

[3.3] Mặt khác, tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn cung cấp các phiếu giao hàng chứng minh các đợt giao nhận hàng giữa Công ty T1 và Công ty N. Đây cũng là chứng cứ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm và chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, làm rõ về số lượng hàng hóa các bên đã giao nhận, đối chiếu với số tiền hàng cần phải thanh toán và công nợ giữa các bên. Do đó, khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần kiểm tra, đánh giá chứng cứ nêu trên và đối chiếu với các chứng cứ các bên cung cấp liên quan đến việc giao nhận, bù hàng giữa các bên. Trường hợp cần thiết phải làm rõ lời khai của các nhân viên và văn bản thừa nhận của đại diện nguyên đơn về việc có hay không việc nhân viên bên nguyên đơn làm phiếu bù số lượng gửi kho nhờ ký phiếu giao hàng không thông qua lãnh đạo Công ty N như lời trình bày của đại diện bị đơn để xác định có hành vi vi phạm pháp luật hình sự của các cá nhân có liên quan hay không. Tại cấp phúc thẩm, đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển vụ

án sang cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý về hình sự, do đó yêu cầu này sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét trong quá trình giải quyết lại vụ án.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả trên số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn: do tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu tính lãi và không kháng cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết lại vụ án sẽ xem xét nếu nguyên đơn có khởi kiện bổ sung.

[5] Từ các phân tích trên, xét thấy, tại cấp phúc thẩm phát sinh tình tiết mới liên quan đến việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty N dẫn đến việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của người đại diện hợp pháp của bị đơn và phát sinh các chứng cứ mới cần được xem xét bởi hai cấp xét xử, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp.

[7] Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH N, hủy Bản án sơ thẩm số 09/2025/KDTM-ST ngày 07/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Công ty TNHH N không phải chịu, hoàn trả cho Công ty TNHH N số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012484 ngày 29/8/2025 Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/01/2026)./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 - TP HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VTLT, Tòa DS, HSVA 10b (68).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Mai

